

Số: 6416/KH-UBND

Đồng Nai, ngày 05 tháng 6 năm 2020

KẾ HOẠCH

Triển khai xác định Bộ Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020

Thực hiện Quyết định số 1810 /QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính năm 2020;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cụ thể:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Mục đích

a) Tổ chức đánh giá và phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Chỉ số cải cách hành chính đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1810 /QĐ-UBND ngày 03/6/2020.

b) Trên cơ sở kết quả đánh giá, phân loại cải cách hành chính được công bố hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ của đơn vị cho phù hợp với yêu cầu chung của tỉnh; phát huy những mặt ưu điểm, tích cực, kịp thời khắc phục được những thiếu sót, hạn chế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính; đề ra các giải pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức hợp lý.

c) Làm cơ sở để bình xét thi đua cho các cơ quan, đơn vị.

2. Yêu cầu

- Việc đánh giá phải đảm bảo khách quan, khoa học, công khai, công bằng, phản ánh đúng những kết quả đã đạt được trong năm của cơ quan, đơn vị.

- Đánh giá tương đối toàn diện các lĩnh vực chủ yếu của cải cách hành chính, công vụ, chức năng, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Đảm bảo tính kịp thời của việc đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, công vụ hàng năm để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, công vụ.

- Việc theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện phải được thực hiện thường xuyên, liên tục.

3. Đối tượng thực hiện

- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh.

II. CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA SỞ, BAN NGÀNH

1. Về nội dung đánh giá

Gồm 09 lĩnh vực, 42 tiêu chí và 69 tiêu chí thành phần:

- + Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 6 tiêu chí, 7 tiêu chí thành phần, đạt 11/100 điểm;
- + Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: 4 tiêu chí, 4 tiêu chí thành phần, đạt 6/100 điểm;
- + Cải cách thủ tục hành chính: 4 tiêu chí, 14 tiêu chí thành phần, đạt 20,5/100 điểm;
- + Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 4 tiêu chí, 12 tiêu chí thành phần, đạt 10/100 điểm;
- + Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 5 tiêu chí, 10 tiêu chí thành phần, đạt 13,5/100 điểm;
- + Cải cách cơ chế quản lý tài chính công: 4 tiêu chí, 2 tiêu chí thành phần, đạt 7/100 điểm;
- + Hiện đại hóa nền hành chính: 5 tiêu chí, 18 tiêu chí thành phần, đạt 17/100 điểm;
- + Kết quả tham mưu triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc trách nhiệm của đơn vị trên địa bàn tỉnh: 5 tiêu chí, đạt tối đa 3/100 điểm;
- + Tác động của cải cách hành chính đến người dân, doanh nghiệp: 5 tiêu chí, đạt 12/100 điểm.

2. Về phương pháp tính điểm và quy đổi điểm

a) Cách tính chỉ số CCHC

- Thang điểm đánh giá là 100 điểm và được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành. Trong đó:

- + Điểm đơn vị tự đánh giá là 86,5/100 điểm;
- + Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 13,5/100 điểm.

- Cách tính chỉ số cải cách hành chính: "Điểm tự đánh giá" của các sở, ban, ngành được UBND tỉnh xem xét, công nhận gọi là "điểm UBND tỉnh đánh giá"; Chỉ số cải cách hành chính được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa "điểm UBND tỉnh đánh giá" và "tổng điểm tối đa" (100 điểm).

b) Nhóm xếp hạng chỉ số cải cách hành chính

Điểm chỉ số cải cách hành chính của Sở, ban ngành được phân theo nhóm như sau:

- Điểm tổng cộng từ 91 đến 100: Đơn vị xuất sắc.
- Điểm tổng cộng từ 81 đến 90: Đơn vị tốt.
- Điểm tổng cộng từ 65 đến 80: Đơn vị khá.
- Điểm tổng cộng từ 50 đến 64: Đơn vị trung bình.
- Điểm tổng cộng dưới 50: Đơn vị yếu.

III. CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA UBND CẤP HUYỆN

1. Về nội dung đánh giá

Gồm 08 lĩnh vực, 37 tiêu chí và 62 tiêu chí thành phần:

- + Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 7 tiêu chí, 9 tiêu chí thành phần, đạt 14,5/100 điểm;
- + Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: 3 tiêu chí, 4 tiêu chí thành phần, đạt 6/100 điểm;
- + Cải cách thủ tục hành chính: 3 tiêu chí, 12 tiêu chí thành phần, đạt 21/100 điểm;
- + Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 5 tiêu chí, 10 tiêu chí thành phần, đạt 10/100 điểm;
- + Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 5 tiêu chí, 10 tiêu chí thành phần, đạt 13,5/100 điểm;
- + Cải cách cơ chế quản lý tài chính công: 4 tiêu chí, đạt 7/100 điểm;
- + Hiện đại hóa nền hành chính: 5 tiêu chí, 15 tiêu chí thành phần, đạt 16/100 điểm;
- + Tác động của cải cách hành chính đến người dân, doanh nghiệp: 5 tiêu chí, đạt 12/100 điểm

2. Về phương pháp tính điểm và quy đổi điểm

a) Thang điểm và cách tính chỉ số CCHC

- Thang điểm đánh giá là 100 điểm và được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Chỉ số cải cách hành chính của UBND cấp huyện. Trong đó:

- + Điểm địa phương tự đánh giá là 88/100 điểm,
- + Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 12/100 điểm.

- Cách tính chỉ số cải cách hành chính: "Điểm tự đánh giá" của các UBND cấp huyện được UBND tỉnh xem xét, công nhận gọi là "điểm UBND tỉnh đánh giá"; Chỉ số cải cách hành chính được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa "điểm UBND tỉnh đánh giá" và "tổng điểm tối đa" (100 điểm).

b) Nhóm xếp hạng chỉ số cải cách hành chính

Điểm chỉ số cải cách hành chính của Sở, ban ngành được phân theo nhóm như sau:

- Điểm tổng cộng từ 91 đến 100: Đơn vị xuất sắc.
- Điểm tổng cộng từ 81 đến 90: Đơn vị tốt.
- Điểm tổng cộng từ 65 đến 80: Đơn vị khá.
- Điểm tổng cộng từ 50 đến 64: Đơn vị trung bình.
- Điểm tổng cộng dưới 50: Đơn vị yếu.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí triển khai xác định chỉ số cải cách hành chính được đảm bảo bằng nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh và thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Đối với cấp tỉnh: Hàng năm, giao Sở Nội vụ căn cứ vào nội dung kế hoạch, lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định và báo cáo UBND tỉnh phê duyệt.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức tự đánh giá kết quả cải cách hành chính

Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố nghiêm túc chỉ đạo việc thực hiện đánh giá Bộ Chỉ số cải cách hành chính thường xuyên, kịp thời, chính xác, đảm bảo cho việc đánh giá được hiệu quả.

Các cơ quan, đơn vị tự đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính hàng năm của đơn vị mình bằng cách cho điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính (ban hành theo Quyết định số 1810 /QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của UBND tỉnh), kèm theo tài liệu kiểm chứng.

Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng chưa thể hiện hết nội dung đánh giá, chấm điểm, đơn vị phải có giải thích cụ thể bằng văn bản về cách đánh giá, tính điểm.

Các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện cập nhật kết quả tự đánh giá chỉ số cải cách hành chính, giải trình bổ sung (nếu có) trên phần mềm đánh giá chỉ số cải cách hành chính trước thời gian quy định.

2. Tổ chức thẩm định, đánh giá kết quả tự chấm điểm của các cơ quan, đơn vị

Để thực hiện hiệu quả việc đánh giá Bộ Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, UBND tỉnh phân công như sau:

2.1. Sở Nội vụ

a) Là cơ quan chủ trì tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện kế hoạch này:

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tiến hành tự đánh giá, chấm điểm Bộ Chỉ số cải cách hành chính; tổng hợp kết quả tự đánh giá và thực hiện công tác kiểm tra thực tế việc tự chấm điểm tại (ít nhất 50% các đơn vị, địa phương); phối hợp với các cơ quan được phân công thực hiện việc thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị.

- Tham mưu UBND tỉnh đánh giá, công nhận kết quả, công bố chỉ số cải cách hành chính

- Lập dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định và báo cáo UBND tỉnh phê duyệt.

b) Trực tiếp thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị về các lĩnh vực:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC;
- Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước;
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;
- Kết quả tham mưu triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc trách nhiệm của đơn vị trên địa bàn tỉnh.
- Đánh giá tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức; đánh giá tác động của cải cách thể chế (tiêu chí 2.4) đối với cấp sở thông qua điều tra xã hội học.

- Đánh giá tiêu chí về quản lý văn bản điện tử (7.1.2) và lưu trữ hồ sơ điện tử (7.1.6)

c) Hàng năm tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm để kịp thời điều chỉnh những vướng mắc khó khăn phát sinh nếu có.

2.2. Văn phòng UBND tỉnh

Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm CCHC của các đơn vị về lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính; Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, ban ngành (Tiêu chí 8.5), UBND cấp huyện (Tiêu chí 1.7).

Phối hợp với Sở Nội vụ trình UBND tỉnh công bố chỉ số CCHC, công vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2.3. Sở Tư pháp

Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm CCHC của các đơn vị về lĩnh vực Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật.

2.4. Sở Tài chính

a) Chịu trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch, hướng dẫn Sở Nội vụ thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

b) Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị về lĩnh vực cải cách cơ chế quản lý tài chính công.

2.5. Sở Thông tin và Truyền thông

Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị về lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính, gồm 03 tiêu chí:

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt quản lý hành chính (trừ tiêu chí 7.1.2 và 7.1.6)
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Chất lượng trang thông tin điện tử của đơn vị.

2.6. Sở Khoa học và Công nghệ

Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị về tiêu chí áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của cơ quan (thuộc lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính).

2.7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Kết quả tham mưu triển khai Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) hàng năm thuộc lĩnh vực số 8 trong Chỉ số.

3. Hình thức gửi kết quả và thẩm định kết quả tự đánh giá chỉ số cải cách hành chính

- Các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện thực hiện tự đánh giá theo yêu cầu và gửi kết quả tự đánh giá, giải trình bổ sung (nếu có) trên phần mềm đánh giá chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

- Các thành viên thuộc Hội đồng thẩm định chỉ số cải cách hành chính thực hiện thẩm định, tổng hợp kết quả thẩm định trên phần mềm chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

4. Thời gian thực hiện

- **Trước ngày 15/11/2020**, các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện hoàn thành công tác tự đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC của đơn vị, địa phương và gửi kết quả trên phần mềm để các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định theo quy định.

- **Từ ngày 15/11 đến 15/12/2020**, các cơ quan được phân công, tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan đơn vị và tham mưu UBND tỉnh đánh giá, xếp loại theo thẩm quyền.

- **Từ ngày 15/12/2020 đến 31/12/2020**, Sở Nội vụ lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh, trình lãnh đạo tỉnh ban hành Quyết định công bố chỉ số cải cách hành chính các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện

- **Từ ngày 01/01 đến 20/01/2021**, UBND tỉnh sẽ công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong kế hoạch.

Các cơ quan, đơn vị tham khảo Bộ Chỉ số cải cách hành chính của sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Biên Hòa và Long Khánh; kế hoạch này tại địa chỉ caicachhanhchinh.dongnai.gov.vn

Trong quá trình thực hiện kế hoạch, nếu có vướng mắc, phát sinh, các đơn vị báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để chỉ đạo, xử lý kịp thời./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh (TH);
- Lưu: VT, HCC, Sở Nội vụ (02 bản).



CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng